



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Logistics Vicem

Ngày 31/03/2024	9,190 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	-6.2%	-6.2%

DT thuần Q1/24
56.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.4 -20.2%
YoY: ▼16.3 -22.3%

LN thuần Q1/24
-0.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.05 -105%
YoY: ▲ 1.12 92.4%

LN sau thuế Q1/24
-0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.50 -103%
YoY: ▲ 0.94 92.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
-0.1%
YoY: +/- ▼ 5.0%

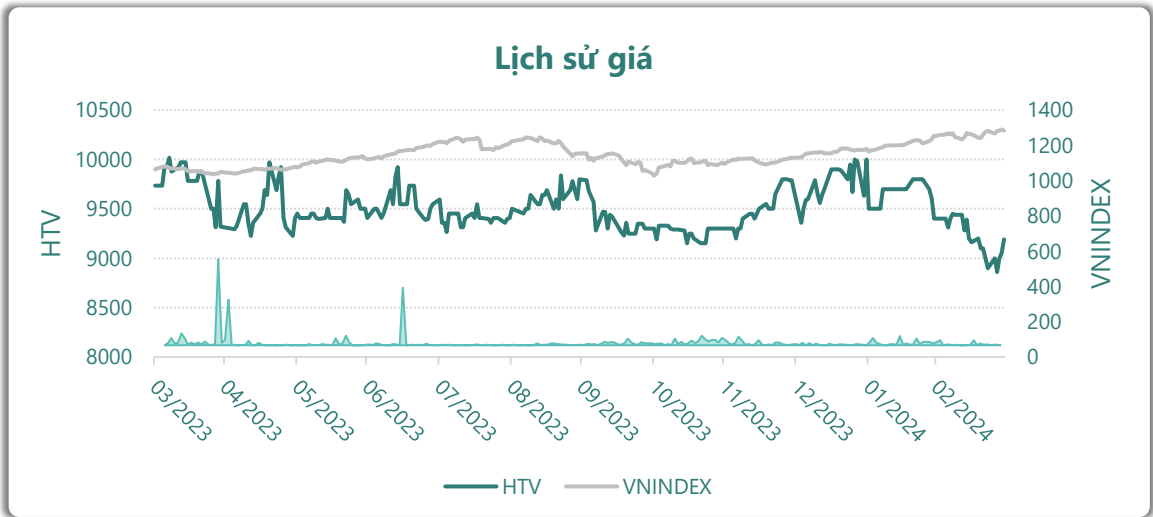
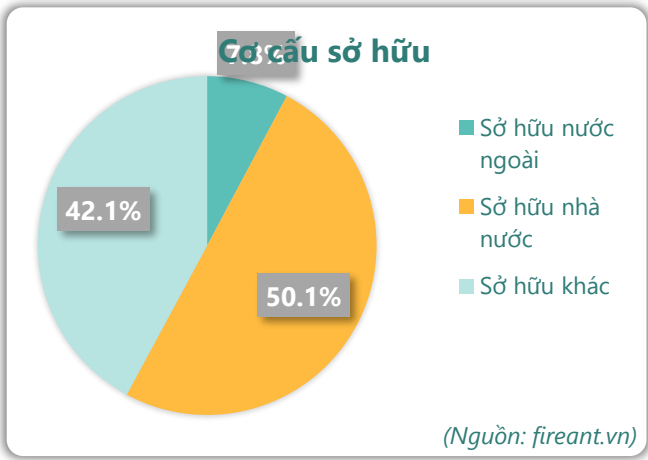
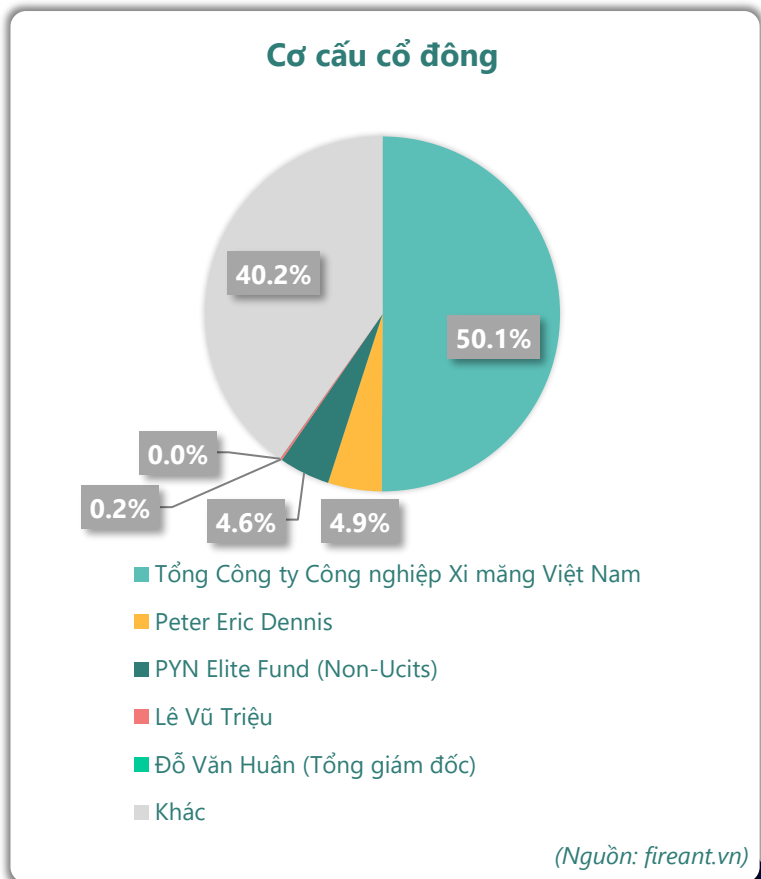
ROE (TTM) Q1/24
2.7%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,860 - 10,017
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	13,104,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,243
Sở hữu nước ngoài	7.8%
Beta	0.04
EPS	680
P/E	13.5

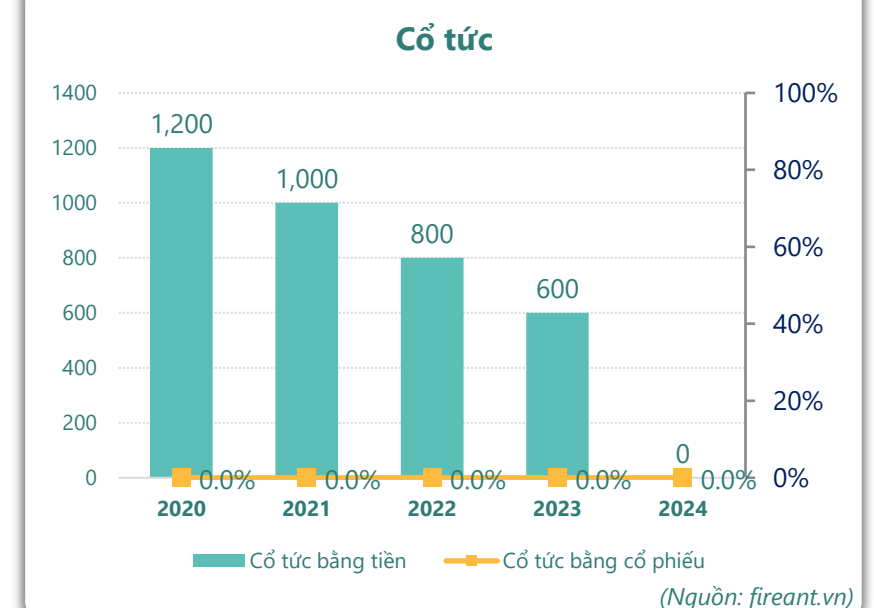
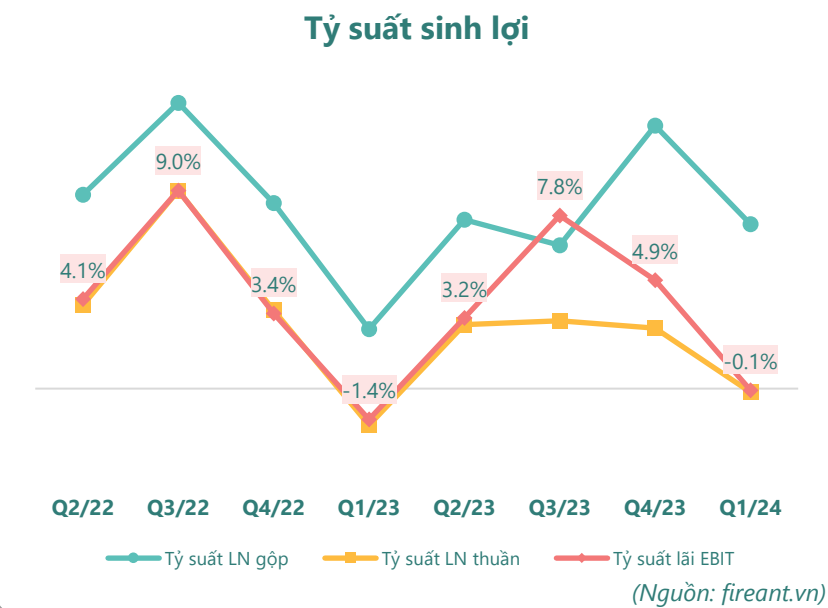
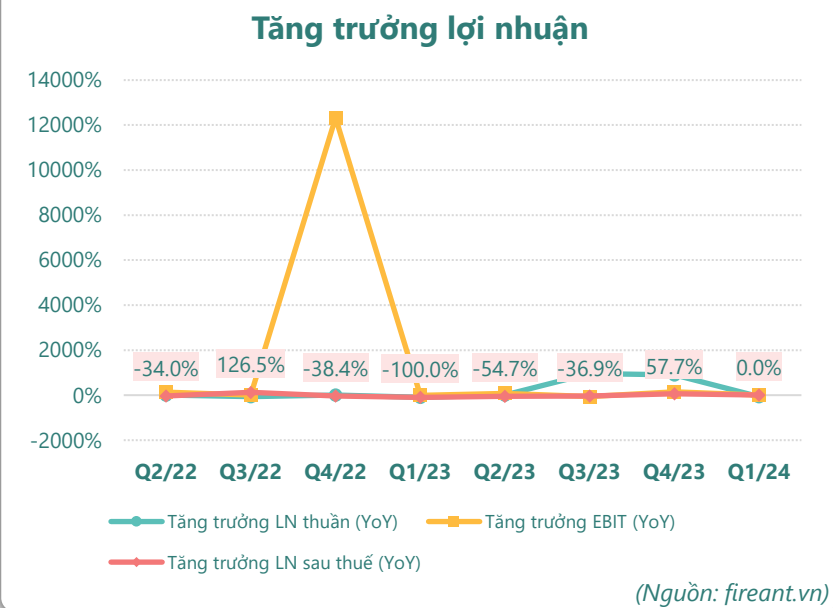
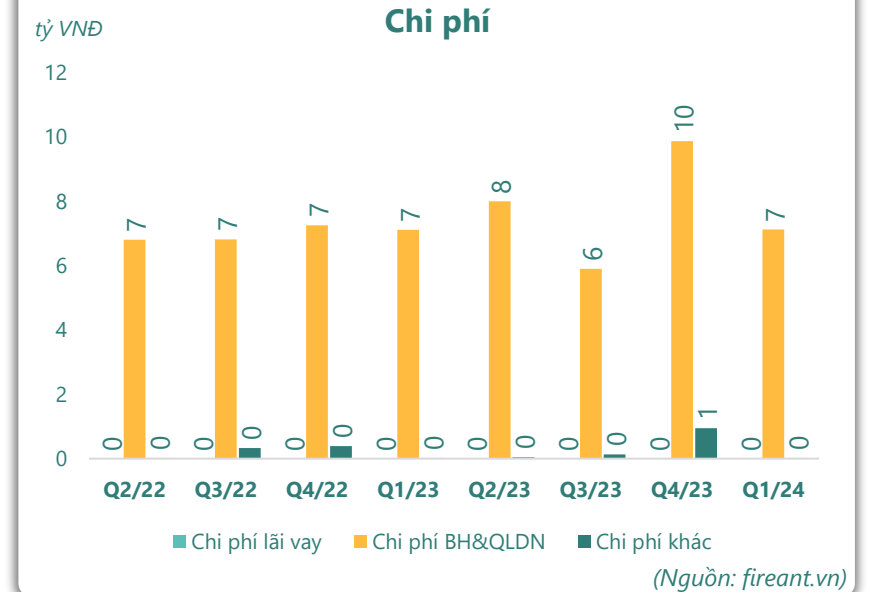
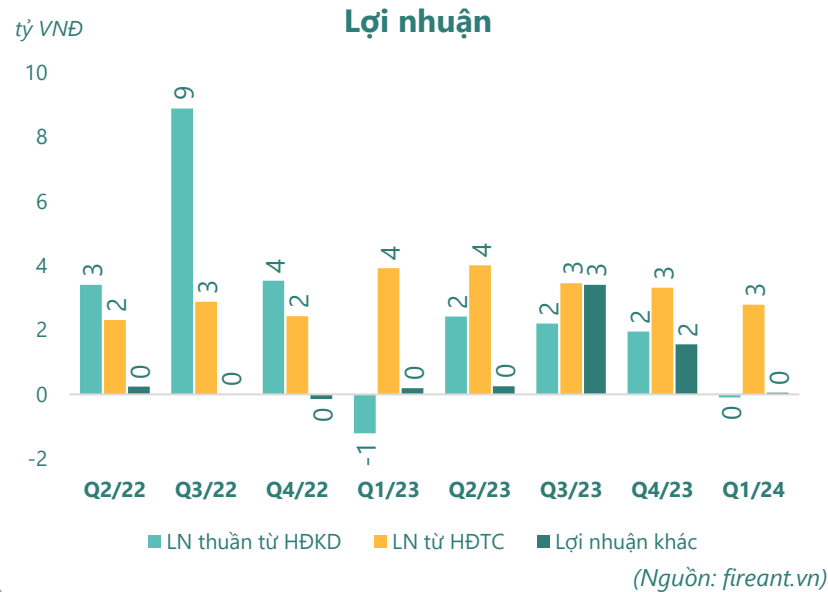
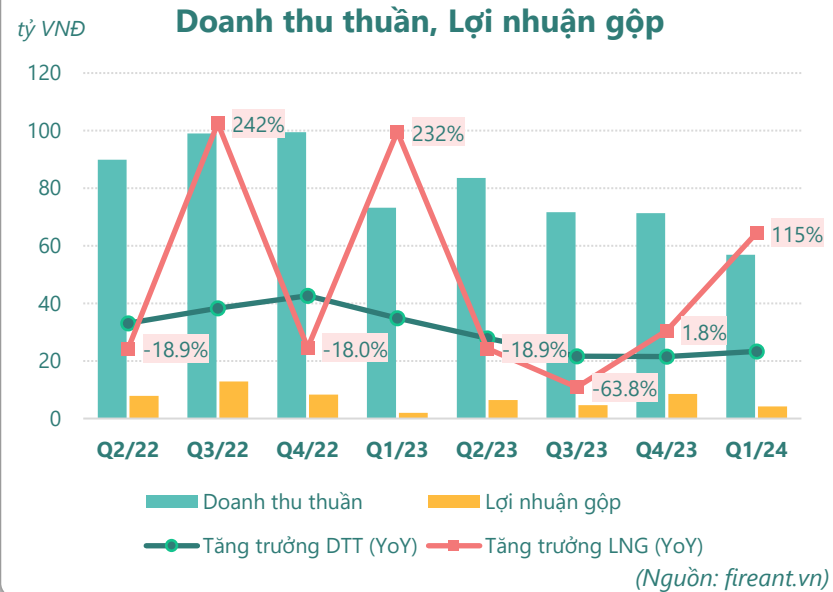
DT thuần 2023
300
tỷ VNĐ
YoY: ▼51.0 -14.7%

LN thuần 2023
5.38
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.3 -67.7%

LN sau thuế 2023
8.24
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.46 -53.5%



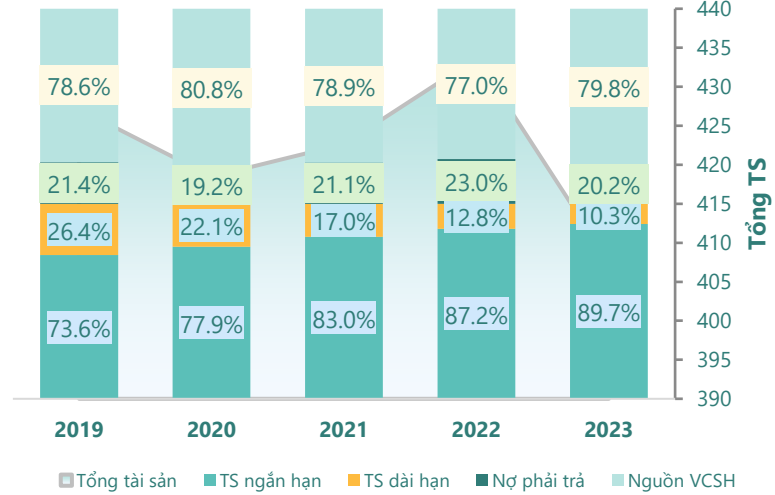
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

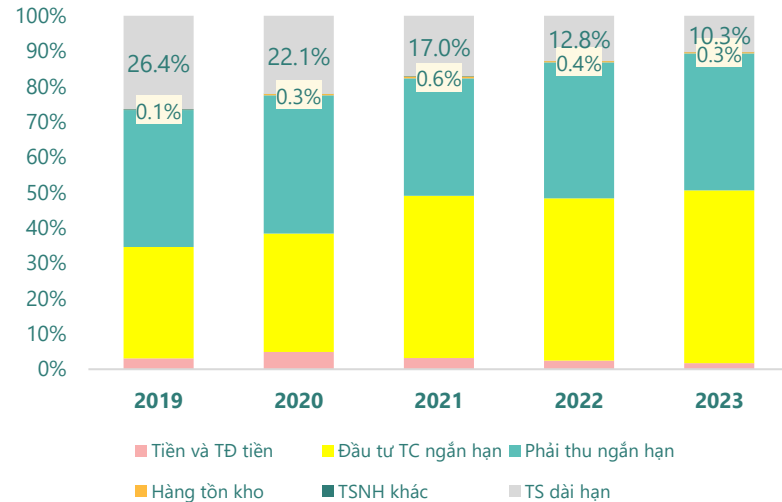
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

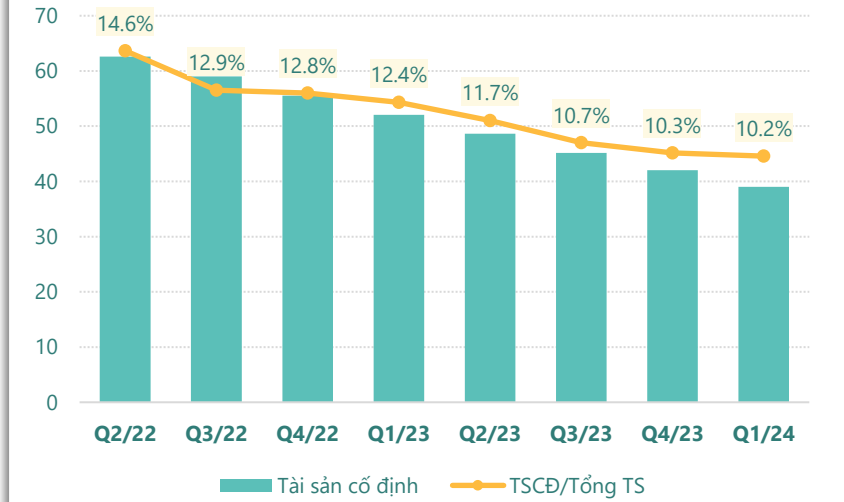
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

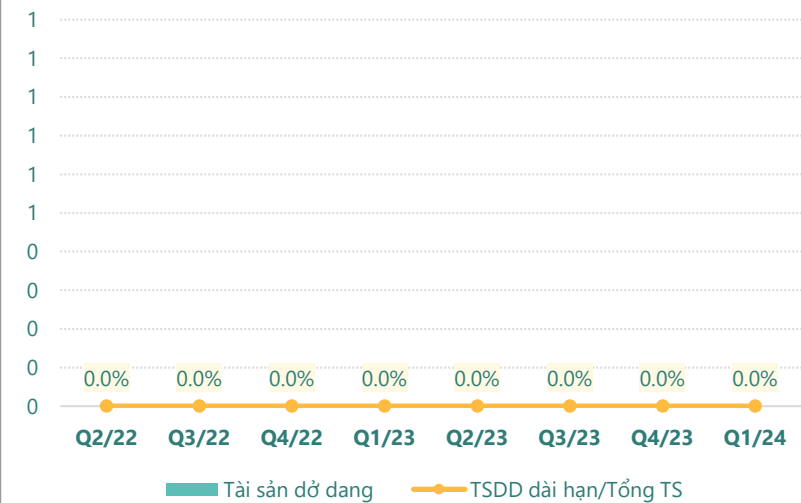
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

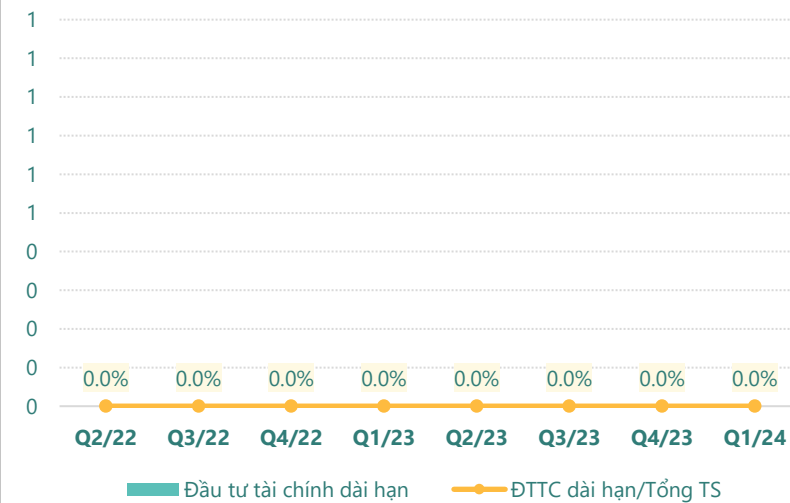
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

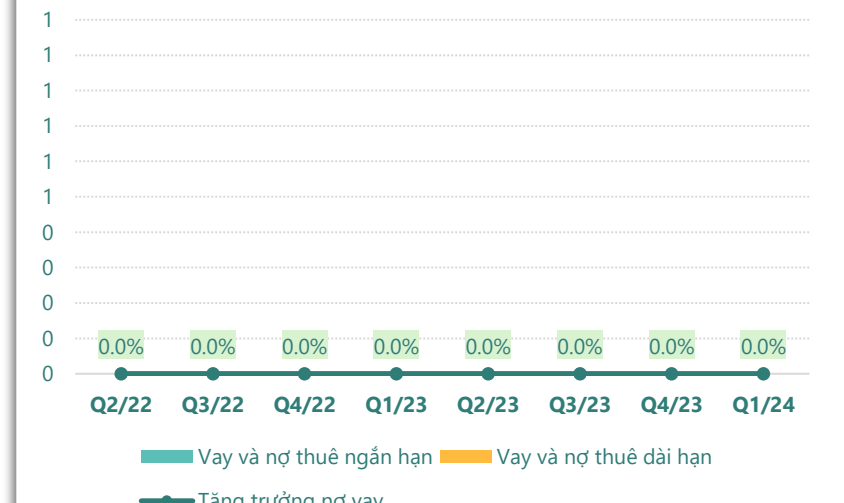
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

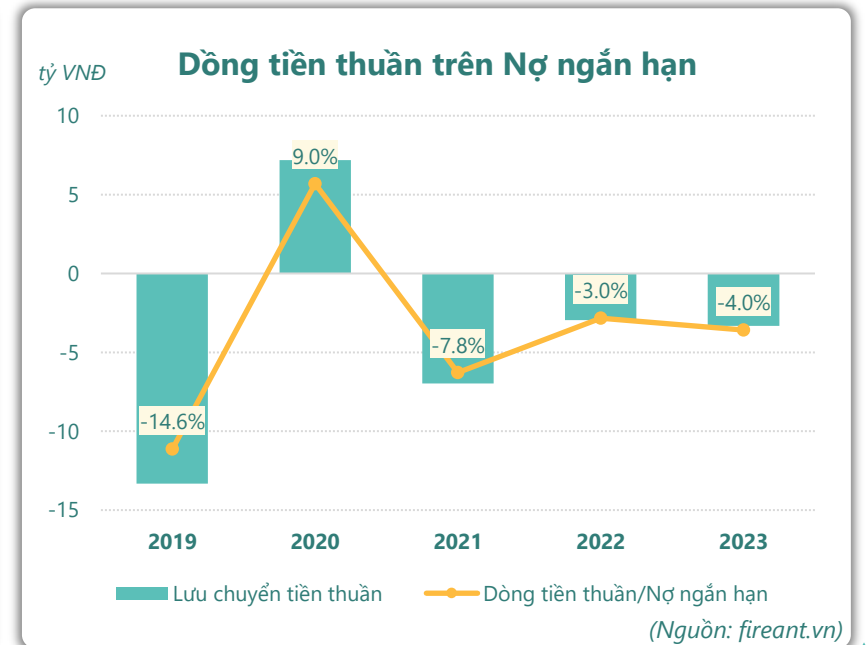
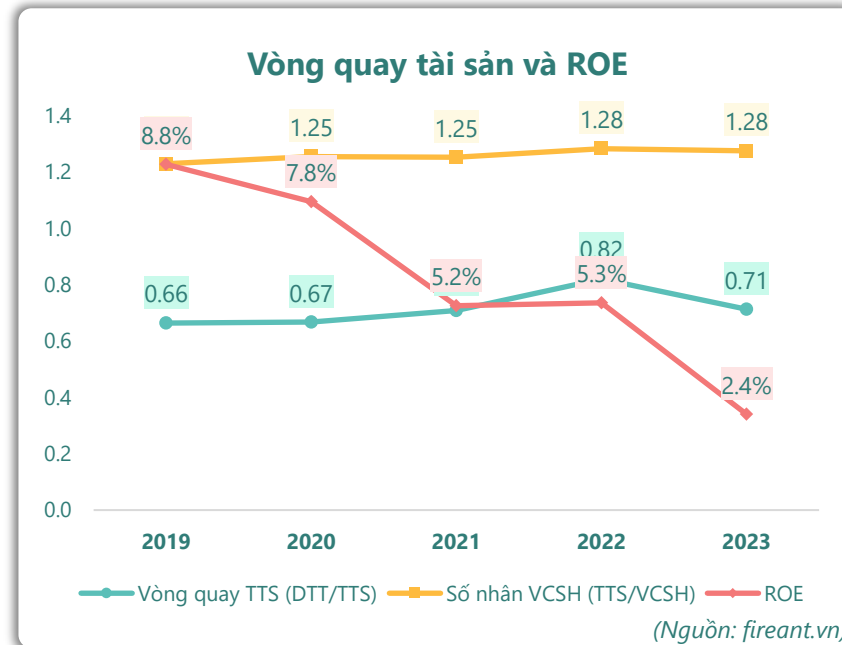
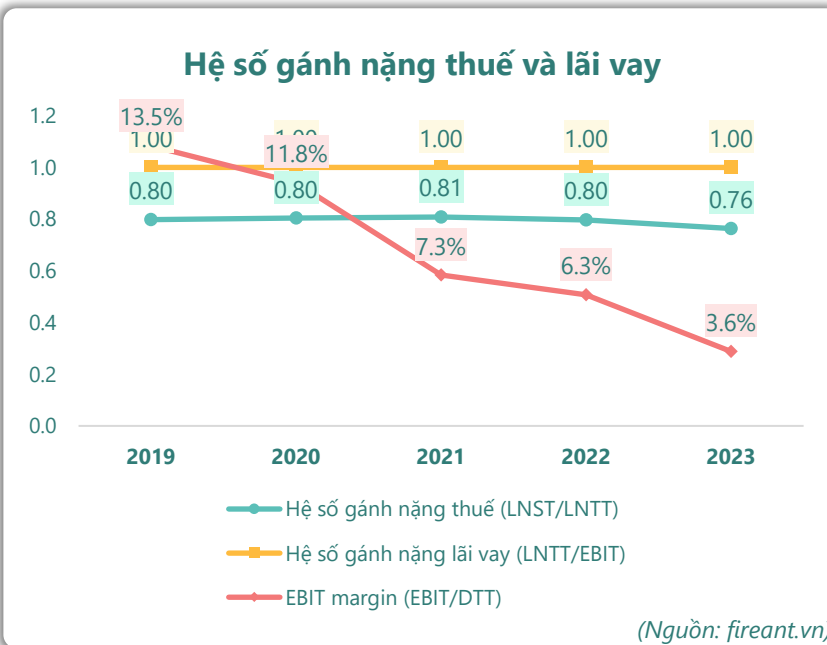
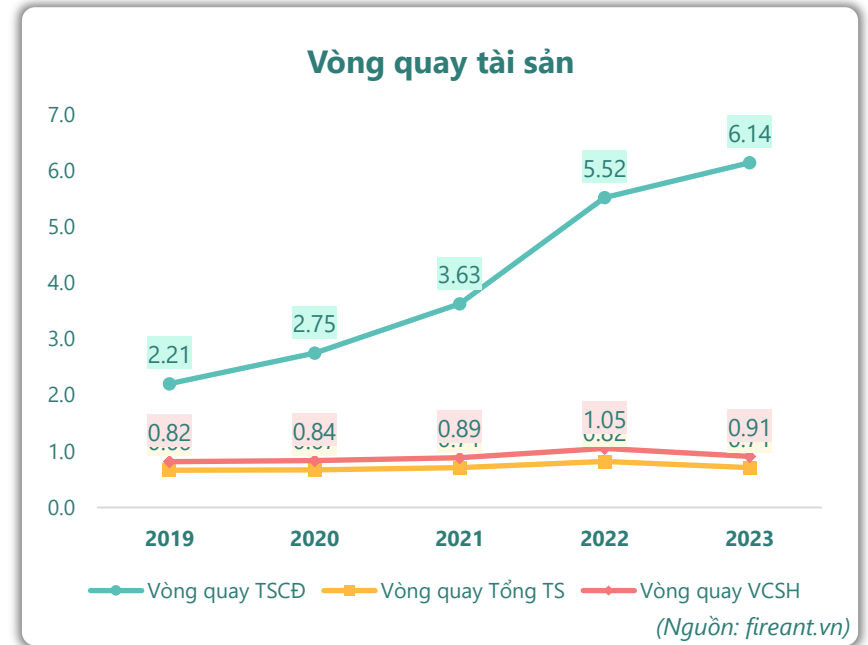
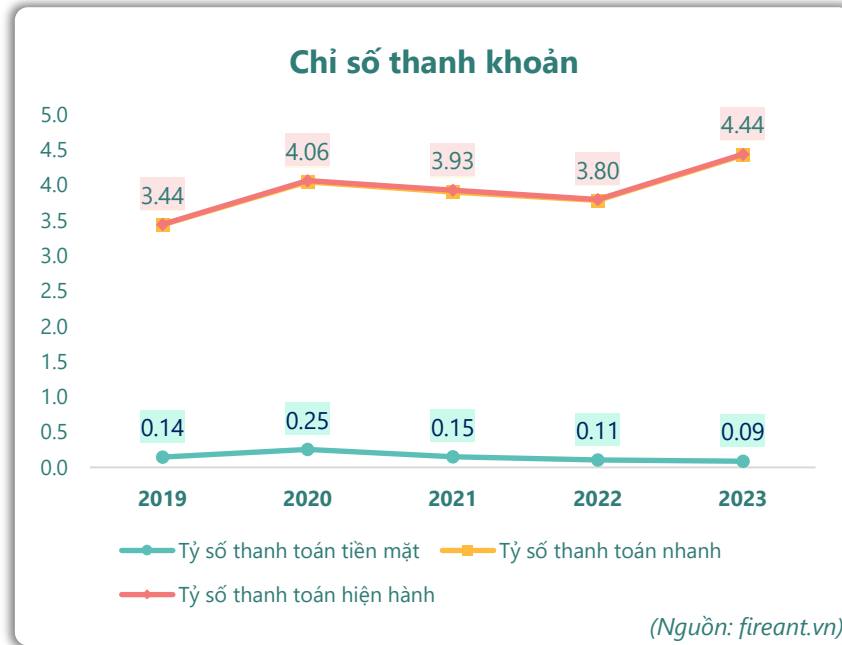
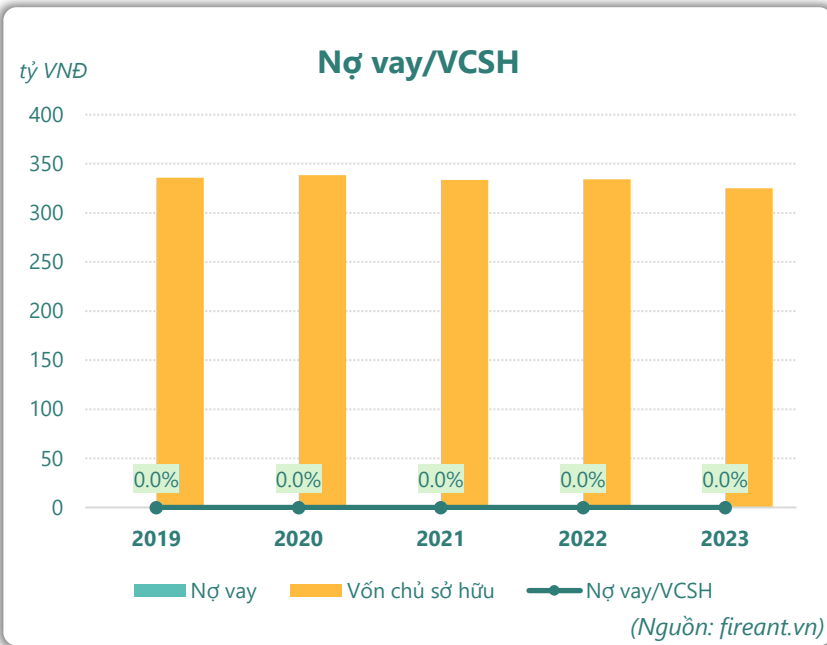
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	56.9	73.2	-22.3%	300	351	-14.7%
Giá vốn hàng bán	52.7	71.2	-26.0%	278	324	-14.1%
Lợi nhuận gộp	4.25	1.98	114%	21.6	27.6	-21.9%
Doanh thu HĐTC	2.79	3.93	-29.0%	14.7	15.3	-4.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.05	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	7.13	7.12	0.1%	30.9	26.3	17.7%
LN thuần từ HĐKD	-0.09	-1.21	92.4%	5.38	16.7	-67.7%
Lợi nhuận khác	0.05	0.19	-73.7%	5.41	5.59	-3.2%
LN trước thuế	-0.04	-1.02	95.9%	10.8	22.2	-51.5%
Lợi nhuận sau thuế	-0.08	-1.02	92.5%	8.24	17.7	-53.5%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.12	-1.02	87.7%	8.01	17.5	-54.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.6	-20.1	-1.43	18.4	-10.9	4.42
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.7	18.4	-0.26	-11.6	12.0	-4.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.4	0.05	0	0	-7.86	0.16
Tiền đầu kỳ	10.8	10.5	8.82	7.13	13.9	7.16
Lưu chuyển tiền thuần	-0.31	-1.66	-1.69	6.80	-6.77	-0.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.5	8.82	7.13	13.9	7.16	6.87

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	383	408	-6.0%
Tài sản ngắn hạn	344	365	-5.8%
Tiền và tương đương tiền	6.87	7.16	-4.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	206	199	3.4%
Phải thu ngắn hạn	130	158	-18.0%
Hàng tồn kho	1.75	1.17	48.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.01	0.0%
Tài sản dài hạn	39.0	42.1	-7.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	39.0	42.1	-7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	57.9	82.3	-29.7%
Nợ ngắn hạn	57.9	82.3	-29.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	38.2	49.9	-23.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	325	325	0.0%
Vốn chủ sở hữu	325	325	0.0%
Vốn điều lệ	131	131	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

